



shén mì gǎn

神秘感

noun · sense of mystery

Example Sentences

tā shēn shàng yǒu yī zhǒng shén mì gǎn

她身上有一种神秘感。

She has a sense of mystery about her.

zhè bù diàn yǐng tōng guò guāng yǐng yíng zào le qiáng liè de shén mì gǎn

这部电影通过光影营造了强烈的神秘感。

This movie creates a strong sense of mystery through lighting and shadows.

Trace each character, then write the word on your own.

神	神	神	神	神	神	神	神	神	神	神
神										
秘	秘	秘	秘	秘	秘	秘	秘	秘	秘	秘
秘	秘									
感	感	感	感	感	感	感	感	感	感	感
感	感	感	感	感						